

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành cơ chế, chính sách tài chính
đối với Khu kinh tế - quốc phòng**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 44/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về xây dựng Khu kinh tế - quốc phòng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về cơ chế, chính sách tài chính áp dụng đối với Khu kinh tế - quốc phòng được xây dựng và thành lập theo Nghị định số 44/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về xây dựng Khu kinh tế - quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị quân đội được giao nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong Khu kinh tế - quốc phòng; các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế - quốc phòng thuộc đối tượng được áp dụng Quyết định này.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH

Điều 3. Vốn đầu tư xây dựng, phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng

1. Căn cứ quy hoạch xây dựng và phát triển các Khu Kinh tế - quốc phòng được duyệt, Bộ Quốc phòng lập dự toán chi ngân sách hàng năm đảm bảo nhiệm vụ đầu tư, xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng theo quy định; Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước (mục chi đầu tư cho các Khu kinh tế - quốc phòng) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Các dự án đầu tư trong Khu kinh tế - quốc phòng được sử dụng vốn chương trình, dự án quốc gia khi chưa được bố trí trong vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng phải phù hợp với đối tượng, phạm vi điều chỉnh của từng chương trình, dự án quốc gia và quy hoạch tổng thể xây dựng, phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng được duyệt.

Bộ Quốc phòng lập dự toán, thống nhất với các Bộ, cơ quan quản lý chương trình, dự án quốc gia và các địa phương nơi có Khu kinh tế - quốc phòng để được cân đối, bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án quốc gia thực hiện trong các Khu kinh tế - quốc phòng.

3. Các dự án đầu tư tại các Khu kinh tế - quốc phòng thuộc Danh mục dự án được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được vay vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Nhà nước khuyến khích các địa phương và các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các Khu kinh tế - quốc phòng phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng được duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Kinh phí đảm bảo chi thường xuyên quản lý, duy tu các công trình bàn giao cho địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện yêu cầu chi thường xuyên cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại Khu kinh tế - quốc phòng mà các Đoàn kinh tế - quốc phòng đã bàn giao cho địa phương đảm nhiệm việc quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các Đoàn kinh tế - quốc phòng, các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ tuyên truyền, vận động quần chúng, thực hiện công tác chính sách xã hội trong Khu kinh tế - quốc phòng được Nhà nước hỗ trợ về tài chính.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và cơ quan liên quan quy định cụ thể mức hỗ trợ và việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trực tiếp đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các Khu kinh tế - quốc phòng được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cá nhân làm việc tại các Khu kinh tế - quốc phòng được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

Điều 7. Hộ dân cư trú lâu dài tại các Khu kinh tế - quốc phòng được hưởng các quy định về hỗ trợ tài chính, hỗ trợ giảm nghèo và hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật.

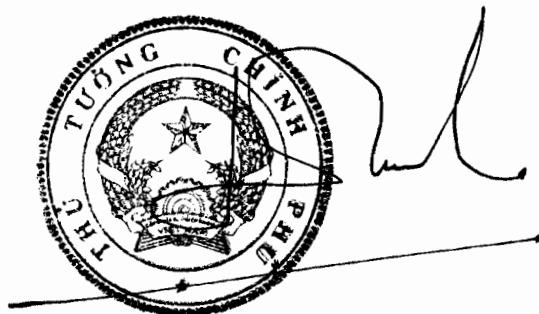
Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Điều 9. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tân Dũng

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTB (5b). N 290